

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

**KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT
DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI**

(Đợt thi ngày 14/8/2026 tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Quốc tịch	Điểm thi				Tổng điểm	Điểm trung bình	Kết quả theo khung 6 bậc	Kết quả theo (CEFR)
							Nghe	Đọc	Nói	Viết				
1	262001	IATI	ADRIANA	30/9/2004	Nữ	Vanuatu	5.5	7.5	7.0	8.5	28.5	7.0	Bậc 4	B2
2	262002	CEVUARD	ANAIS	23/7/2004	Nữ	Vanuatu	4.0	5.5	8.0	6.0	23.5	6.0	Bậc 4	B2
3	262003	BETSESAI	ANASTASIA	02/3/2003	Nữ	Vanuatu	4.5	7.0	6.0	5.5	23.0	6.0	Bậc 4	B2
4	262004	RAHU	ANDREW	24/12/2000	Nam	Vanuatu	5.5	7.5	8.5	8.0	29.5	7.5	Bậc 5	C1
5	262005	PHOMMAKONG	ANGKHAM	26/4/2007	Nam	Lào	4.0	3.5	7.0	2.0	16.5	4.0	Bậc 3	B1
6	262006	YANG	CHIH-MIN	17/5/1984	Nam	Đài Bắc Trung Hoa	7.5	9.5	9.5	8.5	35.0	9.0	Bậc 6	C2
7	262007	NOULACK	DANIEL	24/4/2005	Nam	Vanuatu	6.0	8.0	8.0	8.5	30.5	7.5	Bậc 5	C1
8	262008	LOUNMALA	DENLAXA	09/12/2007	Nam	Lào	6.0	4.5	7.0	4.0	21.5	5.5	Bậc 3	B1
9	262009	KOMBE	IRAINA	08/7/2004	Nữ	Vanuatu	5.5	7.0	8.5	8.0	29.0	7.5	Bậc 5	C1
10	262010	NAKOU	JEAN GABRIEL	09/11/2003	Nam	Vanuatu	5.0	7.0	7.0	6.5	25.5	6.5	Bậc 4	B2
11	262011	TOUYASENG	KAYTHONG	17/3/2007	Nam	Lào	5.5	6.0	8.0	6.0	25.5	6.5	Bậc 4	B2
12	262012	VONGPASEUTH	KHAMMIXAY	23/02/2006	Nữ	Lào	7.0	9.5	7.5	6.5	30.5	7.5	Bậc 5	C1
13	262013	THALONGSENGCHAN	KHAMPHOUN	10/7/2007	Nam	Lào	6.0	4.5	7.5	3.5	21.5	5.5	Bậc 3	B1
14	262014	NAVONGSA	KIETTHISAI	12/9/2005	Nam	Lào	6.5	6.5	9.0	7.0	29.0	7.5	Bậc 5	C1
15	262015	XAYAVONG	KONGKHAM	01/11/2007	Nam	Lào	4.0	6.5	8.0	7.5	26.0	6.5	Bậc 4	B2
16	262016	CHAMPASONG	MANIXAY	04/10/2008	Nam	Lào	5.0	4.5	8.0	4.0	21.5	5.5	Bậc 3	B1
17	262017	SOMBOUNKHOUNXAP	MINA	01/12/2008	Nữ	Lào	8.5	9.5	10.0	9.0	37.0	9.5	Bậc 6	C2
18	262018	PHAISALY	NANTHA	08/11/2006	Nam	Lào	4.5	4.0	7.0	2.0	17.5	4.5	Bậc 3	B1
19	262019	KUZNETSOV	NIKOLAI	30/12/1994	Nam	Nga	9.0	10.0	9.0	9.0	37.0	9.5	Bậc 6	C2
20	262020	VONGSAHALARD	NOKVITHAYA	27/8/2008	Nữ	Lào	6.0	5.5	8.0	6.5	26.0	6.5	Bậc 4	B2
21	262021	SAMONTY	OLAVANH	02/5/2008	Nam	Lào	5.5	5.0	7.0	8.0	25.5	6.5	Bậc 4	B2
22	262022	KEASIE	PHILIPS	13/6/2003	Nam	Vanuatu	4.0	6.5	6.5	5.0	22.0	5.5	Bậc 3	B1
23	262023	KEOBUAPHA	PHONEKEO	04/01/2008	Nữ	Lào	5.5	5.5	8.5	9.0	28.5	7.0	Bậc 4	B2
24	262024	SAENGJAJALERN	POUPAY	06/7/2007	Nữ	Lào	5.0	4.0	8.0	2.5	19.5	5.0	Bậc 3	B1

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Quốc tịch	Điểm thi				Tổng điểm	Điểm trung bình	Kết quả theo khung 6 bậc	Kết quả theo (CEFR)
							Nghe	Đọc	Nói	Viết				
25	262025	XAYTHANASY	RATTANASAVANH	18/12/2008	Nữ	Lào	4.5	5.5	6.5	5.0	21.5	5.5	Bậc 3	B1
26	262026	BOMWEL	REXLY	09/4/2003	Nam	Vanuatu	4.5	5.5	7.5	7.5	25.0	6.5	Bậc 4	B2
27	262027	TERONG	ROSSIANETH	23/02/2002	Nữ	Vanuatu	4.5	6.5	7.0	6.5	24.5	6.0	Bậc 4	B2
28	262028	BANIURI	SAIMAMA	21/10/2001	Nam	Vanuatu	4.5	5.0	6.0	3.0	18.5	4.5	Bậc 3	B1
29	262029	SOUPHAN	SANTIXAY	23/10/1990	Nam	Lào	6.5	4.5	8.0	3.0	22.0	5.5	Bậc 3	B1
30	262030	KOMMAMEUANG	SATAYKHOB	09/3/2006	Nam	Lào	5.0	5.0	7.5	4.0	21.5	5.5	Bậc 3	B1
31	262031	LOUNLIVONGSA	SAYFON	13/02/1993	Nam	Lào	5.5	4.0	8.5	4.5	22.5	5.5	Bậc 3	B1
32	262032	LUANTHAMMAKHAN	SIVA	01/02/2007	Nam	Lào	4.5	5.0	5.0	4.5	19.0	5.0	Bậc 3	B1
33	262033	HILIOH	SONEDET	27/10/2008	Nam	Lào	4.0	6.5	6.5	3.0	20.0	5.0	Bậc 3	B1
34	262034	SISOMBATH	SONEXAY	18/11/2006	Nam	Lào	5.5	4.5	5.0	3.0	18.0	4.5	Bậc 3	B1
35	262035	MEUANGSEN	SOUKSAVANH	20/10/2006	Nam	Lào	6.5	5.5	6.0	3.0	21.0	5.5	Bậc 3	B1
36	262036	SISOULATH	SOUVANNAPHOUM	16/9/2008	Nam	Lào	4.5	9.0	5.5	7.0	26.0	6.5	Bậc 4	B2
37	262037	TEUMTHAVIKHOUN	THAVIXOK	12/10/2006	Nam	Lào	5.0	3.5	5.0	1.5	15.0	4.0	Bậc 3	B1
38	262038	SIPHACHANH	THIDALAT	09/12/2008	Nữ	Lào	5.5	4.5	4.5	1.5	16.0	4.0	Bậc 3	B1
39	262039	KHAMVONGSY	THITTHIDA	23/9/2007	Nữ	Lào	4.0	4.0	8.0	5.5	21.5	5.5	Bậc 3	B1
40	262040	REP-ALBERT	ULRIK NOAH	25/6/2005	Nam	Vanuatu	6.0	5.5	6.0	6.0	23.5	6.0	Bậc 4	B2
41	262041	XAYTHANASY	VANNASIN	21/8/2007	Nam	Lào	4.0	5.0	5.0	3.5	17.5	4.5	Bậc 3	B1
42	262042	BOUABANE	XAIYAVONG	19/4/2007	Nam	Lào	5.0	4.5	7.0	3.5	20.0	5.0	Bậc 3	B1

Danh sách này có tổng số thí sinh: 42

Số thí sinh đạt Bậc 6 (C2): 3

Số thí sinh đạt Bậc 5 (C1): 5

Số thí sinh đạt Bậc 4 (B2): 13

Số thí sinh dự thi: 42

Số thí sinh đạt Bậc 3 (B1): 21

Số thí sinh đạt Bậc 2 (A2): 0

Số thí sinh vắng thi: 0

Số thí sinh đạt Bậc 1 (A1): 0

Số thí sinh không quy đổi (KQĐ): 0

Người đọc điểm

Người ghi điểm

Tôn Nữ Duy Hoàng

Huỳnh Minh Tuyền

KT. Trưởng ban Ban Thư ký
P. Trưởng ban

TS. Phan Thị Hoa

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 8 năm 2026

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



TS. Phan Đức Tuấn